

TÂM NHÌN GIÁO DỤC VIỆT NAM 2020 TIẾN TỚI NỀN KINH TẾ TRI THỨC

● **TSKH. PHẠM ĐỖ NHẬT TIẾN**
Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Quan niệm về tầm nhìn

Cách đây vài thập kỉ, nhìn chung các nhà hoạch định chính sách tại các quốc gia ít quan tâm đến việc xây dựng tầm nhìn và chiến lược phát triển của đất nước nói chung, của từng ngành nói riêng. Với họ, điều quan trọng là kế hoạch 5 năm và kế hoạch hằng năm. Điều đó thích hợp với sự phát triển trong một bối cảnh chưa có những thay đổi nhanh chóng.

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin - liên lạc (ICT), đã dẫn đến những biến động sâu sắc trong đời sống kinh tế - xã hội toàn cầu. Trước hết là quá trình toàn cầu hoá với những cơ hội và thách thức, lợi ích và rủi ro đối với mọi quốc gia. Kèm theo đó là sự hình thành và ra đời của nền kinh tế tri thức.

Ngày nay, mỗi một quốc gia, lĩnh vực, tổ chức đều đứng ở ngã ba của những biến đổi sâu sắc và nhanh chóng bởi tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, làn sóng toàn cầu hoá và quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức. Việc *tư duy lại tương lai* trở thành một yêu cầu bức thiết trong việc xác định lộ trình phát triển. Xây dựng tầm nhìn và chiến lược phát triển không còn bị coi là một công việc vô bổ và tốn kém. Riêng đối với các doanh nghiệp, đã có lời khuyên: "Các công ty cần có một dự định chiến lược - có một khát vọng được chia sẻ rộng rãi, có một mục tiêu rõ ràng và có một nỗi ám ảnh về chiến thắng - đó là nhiên liệu để chạy cỗ máy"¹.

Xây dựng tầm nhìn là bước đi đầu tiên quan trọng nhất trong việc lập kế hoạch chiến lược. Đó là vì tầm nhìn của một ngành (hoặc một tổ chức) được hiểu là *hình ảnh định hướng trong tương lai về thành quả* của ngành đó (tổ chức đó) nhằm đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trên cơ sở tầm nhìn mới xác định được các nội dung về giá trị, sứ mệnh và mục tiêu trong chiến lược phát triển.

Về bản chất, tầm nhìn là niềm tin và khát vọng về tương lai của ngành. Vì vậy yêu cầu đầu tiên của tầm nhìn là *hiện thực, phù hợp và khả thi*. Có vậy tầm nhìn mới gắn kết được mọi người trong hành trình tới đích. Tuy nhiên, như vậy chưa đủ. Kinh nghiệm xây dựng tầm nhìn của

các công ty cho thấy có những yếu tố giết chết tầm nhìn². Đó là sự sao chép, lối mòn, khô cứng, và trên hết là sự thiếu trí tưởng tượng. Vì vậy yêu cầu tiếp theo của tầm nhìn là *táo bạo và đón đầu*. Có vậy tầm nhìn mới đem lại khát vọng và thách thức, tạo động lực cho mọi người trong hành trình tới đích.

Khó khăn cơ bản trong việc xây dựng tầm nhìn là đáp ứng các yêu cầu đó trên cơ sở xử lí khéo léo và khôn ngoan khối lượng thông tin phức tạp liên quan đến việc *nhìn vào hiện trạng, nhìn ra xung quanh và nhìn về tương lai*. Đối với ngành Giáo dục - Đào tạo (GD-ĐT), việc nhìn vào hiện trạng là phân tích mặt mạnh, mặt yếu, cơ hội và thách thức của GD. Nhìn ra xung quanh là vấn đề toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế. Nhìn về tương lai là cuộc đua tới nền kinh tế tri thức. Bài viết này chỉ giới hạn trong việc xây dựng tầm nhìn GD Việt Nam 2020 trong định hướng *nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp dựa trên tri thức vào năm 2020*.

2. Nền kinh tế tri thức: cơ hội và thách thức đối với các nước đang phát triển

Có nhiều định nghĩa khác nhau về kinh tế tri thức tùy theo mục đích thảo luận. Để hướng tới việc xây dựng nền kinh tế tri thức trong từng quốc gia, cách hiểu sau đây thường được sử dụng: *Kinh tế tri thức là nền kinh tế sản sinh, phổ biến và sử dụng tri thức để thúc đẩy tăng trưởng và sức cạnh tranh*. Theo cách hiểu này, việc xây dựng nền kinh tế tri thức không đòi hỏi công nghệ cao hoặc công nghệ thông tin phát triển. Điều cơ bản là sử dụng ý tưởng hơn là phương tiện vật chất, tăng hàm lượng chất xám của sản phẩm hơn là khai thác nguyên vật liệu để phát triển kinh tế - xã hội. Các sáng kiến và thành quả trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của nước ta, được nêu tại Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ VII, về cơ bản là những biểu hiện cụ thể của kinh tế tri thức.

Với cách hiểu trên, kinh tế tri thức mở ra cơ hội mới cho các nước trong tăng trưởng kinh tế. Sự bỏ lỡ cơ hội này sẽ phải trả giá. Các chuyên gia kinh tế cho rằng một trong những nguyên nhân cơ bản giải thích vì sao một số nước trước đây hùng cường, nhưng hiện nay chỉ là nước

đang phát triển, đó là vì các nước đó đã bỏ mất cơ hội do cuộc cách mạng công nghiệp đem lại. Trong gần hai thiên niên kỷ vừa qua, Trung Quốc và Ấn Độ là hai nền kinh tế phát triển nhất và lớn nhất thế giới; cả hai đã lỡ mất cuộc cách mạng công nghiệp của thế kỷ XVIII và phải nhường chỗ cho các nước Tây Âu, Mĩ và Nhật Bản. Bài học này giờ đây được Trung Quốc, Ấn Độ và nhiều nước đang phát triển học tập để tìm ra bước đi nhảy vọt trong phát triển do cuộc cách mạng mới - cách mạng tri thức - đem lại. Lợi thế của các nước đang phát triển chính là ở chỗ không có những gánh nặng cần phải khắc phục của một quá khứ phát triển công nghiệp theo kiểu truyền thống và do đó có cơ hội để nhảy lên một vị trí thuận lợi trong phát triển.

Trong các nước đang phát triển ở Châu Á, Malayxia đang tiến những bước vững chắc với một chiến lược mạnh dạn để đến năm 2020 trở thành nền kinh tế công nghiệp dựa trên tri thức. Trung Quốc, với việc triển khai thí điểm kinh tế tri thức tại các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Thâm Quyến v.v ..., đang vạch hành trình "nắm bắt thế kỷ XXI bằng tri thức" để xây dựng một nước Trung Quốc của ngày mai hiện đại, dựa trên tri thức³. Ấn Độ xác định tầm nhìn đến năm 2020 trở thành một nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin, trong đó các chính sách GD đúng đắn tạo thành hòn đá tảng trong mọi lĩnh vực phát triển⁴ và hiện đang được đánh giá là một siêu cường tri thức trong tương lai.

Tuy nhiên, trong cuộc đua tới nền kinh tế tri thức, các nước đang phát triển phải đương đầu với những thách thức lớn hơn nhiều so với các nước phát triển. Để làm rõ vấn đề này, trong phần tiếp đây sẽ sử dụng cách tiếp cận về kinh tế tri thức do Ngân hàng thế giới đề xuất⁵. Theo cách tiếp cận này, *nền kinh tế tri thức phải được xây dựng trên bốn cột đỡ*: 1/ Chế độ kinh tế và thể chế khuyến khích sử dụng có hiệu quả tri thức mới và tri thức hiện có, đồng thời thúc đẩy tính tạo nghiệp; 2/ Người dân được học tập và có kĩ năng để sản sinh, chia sẻ và sử dụng tri thức; 3/ Cấu trúc hạ tầng thông tin năng động tạo thuận lợi cho việc liên lạc, truyền bá và xử lí thông tin hiệu quả; 4/ Hệ thống cách tân có hiệu lực của các công ty, trung tâm nghiên cứu, trường đại học, nhà tư vấn và các tổ chức khác nối liền vào kho tri thức toàn cầu nhằm hấp thu và điều chỉnh nó cho phù hợp với nhu cầu đất nước và tạo ra công nghệ mới.

Như thế thì, bất kì quốc gia nào, dù phát triển hay đang phát triển, đều có thể xây dựng nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, nếu các nước

phát triển đã có bốn cột đỡ vững chắc thì các nước đang phát triển phải giải quyết hàng loạt vấn đề do những yếu kém bất cập về kinh tế, thể chế, GD-ĐT, khoa học - công nghệ, thông tin và truyền thông, sáng tạo và sở hữu trí tuệ trong việc xây dựng bốn cột đỡ đó. Cùng với thách thức đó là thách thức về *khả năng thay đổi cơ chế lợi nhuận* do nền kinh tế tri thức đem lại: trong kinh tế truyền thống, các nước nghèo thường tăng trưởng nhanh hơn các nước giàu bởi vì cơ chế lợi nhuận trên vốn giảm dần theo quy mô; khi chuyển sang kinh tế tri thức, cơ chế lợi nhuận tăng dần sẽ chi phối các ngành dựa trên tri thức và vì vậy nguy cơ tụt hậu xa hơn của các nước đang phát triển trở thành một nguy cơ được dự báo trước.

Chính vì thế mà các nước đang phát triển, trong đó có nước ta, phải chủ động nắm lấy cơ hội, khắc phục yếu kém, xây dựng chiến lược và bước đi thích hợp để vươn lên, thu hẹp khoảng cách so với các nước phát triển.

3. Việt Nam trên đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Tháng 6/1996, Đại hội VIII của Đảng xác định tầm nhìn đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Năm năm sau, Đại hội IX của Đảng làm rõ hơn tầm nhìn: đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trong quan điểm phát triển cũng nêu rõ: nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố phát triển kinh tế - xã hội, từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta.

Vấn đề đặt ra là nước công nghiệp theo hướng hiện đại có phải là nước công nghiệp chủ yếu dựa trên tri thức không? Trong những năm gần đây đã có nhiều trao đổi, nghiên cứu về phát triển kinh tế tri thức và rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta. Các tác giả trong cuốn sách " Phát triển kinh tế tri thức đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam"⁶ cũng đã đề xuất lộ trình để "đến năm 2006 là giai đoạn hoàn tất sự chuẩn bị để cất cánh, giai đoạn 2007-2015 là giai đoạn cất cánh và lấy độ cao, giai đoạn sau năm 2016 là nền kinh tế nước ta sẽ vươn tới tầm cao hơn hẳn và đạt tới trình độ phát triển loại khá của thế giới".

Tuy nhiên, có lẽ tất cả vẫn đang dừng ở quá trình nghiên cứu, trao đổi. Trên thực tế, mặc dù suốt 15 năm nay, kinh tế nước ta tăng trưởng ở mức đáng tự hào, nhưng tỉ lệ đóng góp của tri thức trong tăng trưởng còn thấp. Báo cáo mới đây của Thủ tướng Chính phủ trình bày tại kì họp thứ 8, Quốc hội khoá XI cũng chỉ rõ: "Một số chuyên gia kinh tế phân tích trong giai đoạn



1998-2003, các nhân tố đóng góp vào tổng mức tăng trưởng kinh tế của nước ta như sau: vốn đầu tư 57,5%, số lượng lao động 20%, năng suất tổng hợp (phản ánh sự phát triển theo chiều sâu) là 22,5%, tuy có tiến bộ so với thời kì 1993-1997 (15%), nhưng còn thấp hơn nhiều so với tỉ lệ trong cùng thời kì ở Thái Lan, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a (khoảng 35-43%)”.

Có thể nói, từ chủ trương từng bước phát triển kinh tế tri thức đến tổ chức thực hiện, chúng ta vẫn mắc phải căn bệnh cố hữu là sự chậm trễ. Nước ta chưa sẵn sàng cho sự phát triển kinh tế tri thức. Để đo mức độ sẵn sàng này, Ngân hàng thế giới đã đưa ra chỉ số kinh tế tri thức KEI (Knowledge Economy Index). Chỉ số này là giá trị trung bình của 4 chỉ số thành phần phản ánh mức độ thực hiện của mỗi quốc gia trong việc xây dựng 4 cột đỡ kinh tế tri thức. Theo số liệu mới đây của Ngân hàng thế giới về chỉ số KEI thì nước ta xếp thứ 97 trong 128 nước. Bảng dưới đây giúp bạn đọc có khái niệm về chỉ số KEI của Việt Nam (cùng các chỉ số thành phần) trong tương quan so sánh với một số nước trong khu vực:

Tên nước	KEI	Kinh tế, thể chế	Sáng chế phát minh	GD-ĐT	Hạ tầng thông tin
Nhật Bản	8,29	7,42	9,30	8,09	8,35
Xinh-ga-po	8,24	9,50	8,97	5,50	9,01
Hàn Quốc	7,59	5,39	8,11	7,86	9,00
Ma-lay-xi-a	5,52	5,71	4,89	4,48	7,02
Thái Lan	4,76	4,49	3,68	5,89	4,96
Mông Cổ	4,51	5,50	3,54	5,76	3,23
Phi-li-pin	4,38	4,98	3,08	5,60	3,88
Trung Quốc	3,80	2,55	4,42	3,74	4,50
In-đô-nê-xi-a	2,75	2,66	1,96	3,54	2,86
Ấn Độ	2,72	2,91	3,58	2,33	2,06
Việt Nam	2,65	1,94	1,82	3,98	2,85
Lào	0,77	0,55	0,31	1,75	0,48

Nguồn: World Bank, 2005 Interactive Knowledge Assessment Methodology

Liên quan đến sự kém sẵn sàng của nước ta trong việc xây dựng kinh tế tri thức là tình trạng đáng lo ngại về việc xếp hạng thấp và xu hướng tụt hạng của nước ta trong một số chỉ tiêu quan trọng là chỉ số cạnh tranh tăng trưởng và chỉ số sẵn sàng về chính phủ điện tử: Chỉ số cạnh tranh tăng trưởng tụt từ thứ hạng 60/101 (năm 2003) xuống 77/104 (năm 2004) và 81/117 (năm 2005); chỉ số sẵn sàng về e-chính phủ tụt 15 bậc xuống thứ hạng 112/191 vào năm 2004.

Vì vậy, để phát triển kinh tế - xã hội nước ta

được nhanh hơn, bền vững hơn, cần đặc biệt coi trọng chất lượng tăng trưởng, phát triển kinh tế theo chiều sâu, tức là nâng cao năng suất tổng hợp trên cơ sở sản sinh, phổ biến và sử dụng tri thức. Điều đó cũng có nghĩa là cần nhanh chóng cụ thể hoá chủ trương “từng bước xây dựng nền kinh tế tri thức”, xây dựng kế hoạch tổng thể và tổ chức thực hiện để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, dựa trên tri thức.

4. Tầm nhìn GD Việt Nam 2020

Khi xây dựng nền kinh tế tri thức, mỗi quốc gia đều có chiến lược riêng phù hợp với các đặc trưng kinh tế - xã hội của mình. Tuy nhiên, quốc gia nào cũng xác định phát triển GD là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu. Đó là vì GD không chỉ là một trong bốn cột đỡ kinh tế tri thức mà còn là nền móng trên đó hình thành vốn con người và vốn xã hội, cần thiết cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Do nền kinh tế tri thức đặt ra những yêu cầu mới và cao đối với GD nên mỗi nước đều có chiến lược đổi mới căn bản và toàn diện GD. Hàng loạt vấn đề được tư duy lại và thiết kế lại từ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp đến hệ thống GD quốc dân, đào tạo nghề và đào tạo đại học, tài chính GD, quản lí GD, đội ngũ nhà giáo, đào tạo và nghiên cứu khoa học, học tập suốt đời v.v... Nhiều ý tưởng mới đã được đưa ra như doanh nghiệp hoá đại học, đại học hoá doanh nghiệp, phát huy sức mạnh thị trường trong GD v.v...

Ở nước ta, cùng với quá trình đổi mới đất nước, việc đổi mới GD đã diễn ra liên tục suốt 20 năm nay. Nền giáo dục nước nhà đã có bước phát triển mới như đã được khẳng định trong Kết luận Hội nghị TW6 (khoá IX). Điều đó cũng được thể hiện trong bảng chỉ số KEI trình bày ở trên: trong 4 cột đỡ kinh tế tri thức ở nước ta, cột đỡ GD là khả quan hơn cả, tiếp đến cột đỡ về hạ tầng thông tin, trong khi những vấn đề về thể chế, môi trường kinh tế và sáng chế phát minh đang đòi hỏi nhiều cố gắng, nỗ lực để tạo nên sự